

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 153/2025/HSPT

Ngày 14/7/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Hường

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thanh Huyền và ông Nguyễn Duy Thuần

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Linh Chi – Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 160/2025/TLPT-HS ngày 02 tháng 6 năm 2025 đối với các bị cáo Trần S và Nguyễn Thị Thu U về tội “Đánh bạc”, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2025/HS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- **Bị cáo có kháng cáo:**

1. Họ và tên: **Trần S**, sinh năm 1984 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Tổ dân phố A, xã K, tỉnh Đắk Lắk (cũ là Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk); nghề nghiệp: Làm Nông; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 10/12; con ông Trần B (đã chết) và bà Ngô Thị L; bị cáo có vợ là Đỗ Thị Thanh T, có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 04/7/2007, bị Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử 02 năm tù cho hưởng án treo, về tội Cướp tài sản tại Bản án hình sự sơ thẩm số 148/HSST, đã chấp hành xong và đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 27/10/2024 đến ngày 30/10/2024 thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, vắng mặt.

2. Họ và tên: **Nguyễn Thị Thu U**, sinh năm 1984 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn C, xã T, tỉnh Đắk Lắk (cũ là Thôn C, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk); nghề nghiệp: Buôn bán; giới tính: Nữ; trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Kim T1 và bà Trần Thị Lệ T2; bị cáo có chồng là Nguyễn Minh T3, có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ

ngày 27/10/2024 đến ngày 30/10/2024 thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, vắng mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 04 bị cáo khác nhưng không có kháng cáo, kháng nghị và không bị kháng cáo, kháng nghị

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*** Hành vi của Trần S:**

Từ khoảng tháng 9/2024, trong quá trình sinh sống tại địa phương Trần S biết một số người có nhu cầu mua số lô, số đề nên S đã đặt vấn đề sẽ bán số lô, số đề cho những người có nhu cầu. Hằng ngày S sử dụng điện thoại di động hiệu OPPO kèm sim số 0942355035 để nhận số đề của khách. Đối với đài xổ số miền T: S nhận ghi số đề của khách với giá 13.000đ đến 13.500đ và 80% tiền khách đánh đầu, chót, kê. Đối với đài xổ số miền B: S nhận ghi số đề của khách với giá từ 21.000đ đến 22.000đ và 80% tiền khách đánh đầu, chót, kê.

- Ngày 23/10/2024, S đã tham gia đánh bạc với Nguyễn Thị Thu U với tổng số tiền mà S thua bạc U là 15.300.000đ. Sau khi thực hiện hành vi đánh bạc, S và U đã xóa toàn bộ các nội dung liên quan đến hành vi đánh bạc này. Như vậy, trong ngày 23/10/2024 S tham gia đánh bạc với U số tiền là 15.300.000đ, đã giao tiền thắng thua cho nhau.

- Ngày 24/10/2024, căn cứ vào kết quả xổ số miền B mở thưởng ngày 24/10/2024, S sử dụng số điện thoại 0942355035 bán số lô cho Nguyễn Thị Thu U qua số điện thoại 0935772380 với số 49x300 theo đài xổ số miền B với 300 điểm, mỗi điểm 21.000đ/1điểm tương ứng số tiền là 6.300.000đ, kết quả bị can U không trúng số. Như vậy, trong ngày 24/10/2024, S tham gia đánh bạc với U tổng số tiền là 6.300.000đ, đã giao tiền thắng thua cho nhau.

- Trong ngày 25/10/2024, S nhận số lô dựa vào kết quả xổ số kiến thiết tỉnh Gia Lai và đài miền B mở thưởng ngày 25/10/2024 làm căn cứ xác định thắng thua, cụ thể như sau:

- Đối với đài xổ số Gia Lai:

+ Nhận số lô từ Phạm Thanh T4, T4 sử dụng số điện thoại 0987828767 (Sĩ lưu là “Bòm Lol”) nhắn tin cho S với nội dung “Bao 10 với 11 mỗi con 50 điểm”, “Đá 10/11 x5”, “Bao 68 với 57 mỗi con 50 điểm nha anh”, với tổng số điểm là 110 điểm, giá 13.500đ/điểm tương ứng số tiền 1.485.000đ. Kết quả không trúng.

+ Nhận số đề từ Trần Xuân H, H sử dụng số điện thoại 0919904050 (Sĩ lưu là “A Tèo Bính”) nhắn tin cho S với số đề 79x20, trị giá 13.500đ/điểm, tương ứng số tiền 270.000đ. Kết quả không trúng.

+ Nhận số đề từ Trần Văn T5, T5 sử dụng số điện thoại 0777444848 (Sĩ lưu là “3”) nhắn tin cho S mua số đề 27x20, giá trị 13.500đ/điểm, tương ứng số tiền 270.000đ. Kết quả không trùng.

+ Nhận số đề từ T, D sử dụng số điện thoại 0986.022.596 nhắn tin cho S mua số đề 38x100, giá trị 13.500đ, tương ứng số tiền 1.350.000đ. Kết quả không trùng.

+ Nhận số đề từ Nguyễn Hoàng V, V sử dụng số điện thoại 0387823197 (Sĩ lưu là “Quanh”) nhắn tin cho S mua số đề 08, 80x50 với tổng 100 điểm, trị giá 13.500đ/điểm, tương ứng số tiền 1.350.000đ. Kết quả không trùng.

+ Nhận số đề từ Nguyễn Nam T6, T6 sử dụng số điện thoại 0941519519 (Sĩ lưu là “C Khối 18”) nhắn tin cho S mua số đề: 26d28x5, 02x50, 37 38x30, 34d43, 89d98 x5, 34, 43x30 với tổng 200 điểm, trị giá 13.500đ/điểm, tương ứng số tiền 2.700.000đ. Kết quả không trùng.

+ Nhận số đề từ Nguyễn Trọng L1, Luật sử dụng số điện thoại 0943200024 nhắn tin cho S mua số đề 95x30 với tổng 30 điểm, giá trị 13.000đ/điểm, tương ứng với số tiền 390.000đ. Kết quả xổ số, Luật trúng với số tiền thắng là 2.100.000đ. Như vậy, tổng số tiền bị can S và Luật đánh bạc theo đài xổ số Gia Lai là 2.490.000đ.

Tổng số tiền S bán số lô, số đề cho khách theo đài xổ số Gia Lai tương ứng tổng số tiền 9.915.000đ, chưa giao tiền thắng thua cho nhau.

- Đối với đài xổ số miền B:

+ Nhận số đề từ Nguyễn Thị Thu U, U sử dụng số điện thoại 0935.772.380 nhắn tin cho S mua số đề 11x300, trị giá 21.000đ/điểm, tương ứng với số tiền 6.300.000đ. Kết quả không trùng.

+ Nhận số đề từ Nguyễn Hoàng V, V sử dụng số điện thoại 0387.823.197 nhắn tin cho S mua số đề 38, 79, 78 đá xoay vòng x5 với tổng 30 điểm, trị giá 22.000đ/điểm, tương ứng số tiền 660.000đ. Kết quả không trùng.

+ Nhận số đề từ bị can Nguyễn Nam T6, T6 sử dụng số điện thoại 0941.519.519 nhắn tin cho S mua số đề: 89d98 77d88 88d99 77d99x3, 77d81x5, 77 81x40, 10d13x5, 10 13x50 với tổng 224 điểm, trị giá 22.000đ/điểm, tương ứng số tiền 4.928.000đ. Kết quả xổ số, T6 trúng số 10x50 với số tiền thắng là 3.500.000đ. Như vậy, tổng số tiền S và T6 đánh bạc dựa vào kết quả xổ số Miền Bắc mở thưởng ngày 25/10/2024 là 8.428.000đ.

+ Nhận số đề từ Nguyễn Trọng L1, Luật sử dụng số điện thoại 0943.200.024 nhắn tin cho S mua số đề: 14x10, 59x20 với tổng 30 điểm, giá trị 21.000đ/điểm, tương ứng với số tiền 630.000đ. Kết quả không trùng.

+ Nhận số đề từ T, D sử dụng số điện thoại 0986.022.596 nhắn tin cho S mua số đề 79x50, giá trị 21.000đ, tương ứng số tiền 1.050.000đ. Kết quả không trùng.

+ Nhận số đề từ Trần Xuân H, H sử dụng số điện thoại 0919.904.050, H nhắn tin cho S mua số đề 66x20, với giá trị 22.000đ/1 điểm, tương ứng số tiền 440.000đ. Kết quả không trúng.

Tổng số tiền S nhận số đề của khách đài xổ số Miền Bắc tương ứng tổng số tiền 17.508.000đ, chưa giao tiền thắng thua cho nhau.

* Hành vi của Nguyễn Thị Thu U:

Quá trình sinh sống tại địa phương U có quen với Võ Thanh T7 có nhu mua số lô, số đề và Trần S có nhu cầu bán số lô, số đề. Vì vậy, hàng ngày U nhận số lô, số đề từ T7 rồi chuyển cho S để hưởng chênh lệch, cụ thể:

- Ngày 23/10/2024, U thực hiện hành vi đánh bạc với Trần S với tổng số tiền là 15.300.000đ, đã giao tiền thắng thua cho nhau.

- Ngày 24/10/2024, U sử dụng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO reno 6 thông qua ứng dụng Messenger có tên “Uyên Kinh” để nhận số lô, số đề của Võ Thanh T7 với tên tài khoản là “Toan Vo” với con số 49x300 điểm theo đài miền B với 300 điểm, mỗi điểm 22.500đ/điểm tương ứng số tiền là 6.750.000đ. Sau đó, U chuyển số 49x300 cho Trần S với số tiền mỗi điểm là 21.000đ tương ứng số tiền 6.300.000đ hưởng chênh lệch 450.000đ. Kết quả U và T7 không trúng số. Như vậy, U tham gia đánh bạc với T7 theo đài xổ số miền B với tổng số tiền là 6.750.000đ, với Trần S theo đài xổ số miền B1 là 6.300.000đ, đã giao tiền thắng thua cho nhau.

- Ngày 25/10/2024, U sử dụng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO reno 6 thông qua ứng dụng Messenger có tên “Uyên Kinh” để nhận số lô, số đề của T7 với tên tài khoản là “Toan Vo” với con số 11x300 theo đài xổ số miền B với 300 điểm, mỗi điểm là 22.500đ/điểm tương ứng số tiền là 6.750.000đ. Sau đó, U chuyển số 11x300 cho S với số tiền mỗi điểm là 21.000đ tương ứng số tiền 6.300.000đ, hưởng chênh lệch 450.000đ. Kết quả U và T7 không trúng số. Như vậy, U tham gia đánh bạc với T7 theo đài xổ số miền B với tổng số tiền là 6.750.000đ; với Trần S theo đài xổ số miền B là 6.300.000đ, chưa giao tiền thắng thua cho nhau.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 21/2025/HS-ST ngày 11/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, đã quyết định:

[1] Tuyên bố: Các bị cáo Trần S, Nguyễn Thị Thu U phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần S 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 27/10/2024 đến ngày 30/10/2024.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu U 10 (mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 27/10/2024 đến ngày 30/10/2024.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Võ Thanh T7, Huỳnh Văn C, Nguyễn Nam T6, Phạm Thị Phước N, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/4/2025, bị cáo Nguyễn Thị Thu U có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 21/4/2025, bị cáo Trần S có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo

Quá trình tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Mức hình phạt 01 năm 03 tháng tù đối với bị cáo Trần S và 10 tháng tù đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu U là có phần nghiêm khắc. Do đó, đề nghị HĐXX căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 BLTTHS, chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo - Sửa bản án sơ thẩm về mức hình phạt đối với các bị cáo: Xử phạt bị cáo Trần S 01 năm tù và bị cáo Nguyễn Thị Thu U 10 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa các bị cáo vắng mặt và có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do sức khỏe không đảm bảo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng minh. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các bị cáo.

[2] Lời khai của các bị cáo Trần S và Nguyễn Thị Thu U tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Vào ngày 23/10/2024, bị cáo Trần S đánh bạc dưới hình thức ghi số đề với số tiền 15.300.000 đồng, ngày 24/10/2014 với số tiền 6.300.000 đồng, ngày 25/10/2024 với số tiền 27.423.000 đồng, tổng số tiền đánh bạc là 49.023.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Thị Thu U đánh bạc dưới hình thức mua số đề và trực tiếp thắng thua với bị cáo S vào ngày 23/10/2024 với số tiền 15.300.000 đồng, các ngày 24 và 25/10/2024 số tiền mỗi lần là 6.750.000 đồng, tổng số tiền đánh bạc là 28.800.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Trần S và Nguyễn Thị Thu U về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo:

- Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo Trần S, thấy rằng: Tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự quy định “Người nào đánh bạc

trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”. Tổng số tiền bị cáo đánh bạc là 49.023.000 đồng, gần mức tối đa của khung hình phạt, là người giữ vai trò chính trong vụ án; phạm tội với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo còn có nhân thân xấu, từng bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội Cướp tài sản nhưng không lấy đó làm bài học để rèn luyện bản thân mà tiếp tục phạm tội, thể hiện ý thức chấp hành pháp luật kém. Do đó, mức hình phạt 01 năm 03 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo là khoan hồng, có phần nhẹ so với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

- Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị Thu U, thấy rằng: Bị cáo Nguyễn Thị Thu U mặc dù phạm tội ít nghiêm trọng nhưng cũng phạm tội với tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS, cấp sơ thẩm áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” cho bị cáo là không đúng quy định. Tổng số tiền bị cáo sử dụng đánh bạc là 28.800.000 đồng, mỗi lần đánh bạc đều trên 5.000.000 đồng nên mức hình phạt 10 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ và 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên việc áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo. Tại cấp phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo Trần S, Nguyễn Thị Thu U phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần S và Nguyễn Thị Thu U. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 21/2025/HS-ST ngày 11/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về điều luật áp dụng, mức hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt bị cáo Trần S 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 27/10/2024 đến ngày 30/10/2024.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu U 10 (mười) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 27/10/2024 đến ngày 30/10/2024.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm:

Căn cứ Điều 12, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Bị cáo Trần S và Nguyễn Thị Thu U mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối Cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 4 – Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 4 – Đắk Lắk;
- Công an xã T, tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng THADS Khu vực 4;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lưu Thị Thu Hương